



ĐVT: Triệu đồng

| STT | Tên công trình                                                                                                                                                                                                           | Tổng mức đầu tư  | Lũy kế vốn đã thanh toán, giải ngân đến hết ngày 31/5/2025 | Số còn nợ khối lượng đã hoàn thành đến ngày 31/05/2025 | Nguồn vốn NS tỉnh + NS huyện hỗ trợ | Kế hoạch vốn đã bố trí | Số vốn đã thanh toán | Số vốn còn lại | Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng đã hoàn thành còn nợ đến ngày 30/6/2025 | Số vốn còn lại do chi không hết | Ghi chú         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| A   | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                                         | <b>131.000,9</b> | <b>92.844,9</b>                                            | <b>37.934,8</b>                                        | <b>38.700,1</b>                     | <b>38.700,1</b>        | <b>34.125,2</b>      | <b>4.574,9</b> | <b>2.152,7</b>                                                            | <b>2.437,4</b>                  |                 |
| I   | <b>Xã Bình Xuyên</b>                                                                                                                                                                                                     | <b>48.131,1</b>  | <b>35.735,1</b>                                            | <b>12.174,9</b>                                        | <b>12.174,9</b>                     | <b>12.174,9</b>        | <b>11.900,4</b>      | <b>274,5</b>   | <b>283,0</b>                                                              | <b>6,6</b>                      | -               |
| 1   | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Xuyên; hạng mục: móng tường rào, nhà làm việc 3 tầng                                                                                                                                | 14.982,5         | 14.655,9                                                   | 326,6                                                  | 326,6                               | 326,6                  | 326,6                | 0,0            |                                                                           | 0,0                             |                 |
| 2   | Công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ cầu ông Gôn thôn Đông Cao nối đường tỉnh 396C; hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước                                                                                          | 4.874,2          | 3.884,5                                                    | 989,7                                                  | 989,7                               | 989,7                  | 866,2                | 123,5          | 123,2                                                                     | 0,3                             | Đã có vốn đề TH |
| 3   | Công trình: Kè đường liên xã đoạn từ cống mới đến nhà ông Long thôn Xuyên Hử; hạng mục: Kè taluy, nền đường                                                                                                              | 1.211,2          | 1.043,0                                                    | 168,2                                                  | 168,2                               | 168,2                  | 168,2                | 0,0            |                                                                           | 0,0                             |                 |
| 4   | Công trình: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Xuyên; hạng mục: Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, bể chứa nước PCCC, sân bê tông, cột cờ, bồn hoa, rãnh thoát nước, đường vào trụ sở + đường làn tăng tốc, giảm tốc | 7.044,0          | 4.970,4                                                    | 2.073,5                                                | 2.073,5                             | 2.073,5                | 1.930,9              | 142,7          | 136,4                                                                     | 6,3                             | Đã có vốn đề TH |
| 5   | Công trình: Nâng cấp và cải tạo sân đường, tường rào, và rãnh thoát nước Trường trung học cơ sở Đông Xuyên                                                                                                               | 1.944,9          | 1.476,1                                                    | 468,7                                                  | 468,7                               | 468,7                  | 468,7                | 0,0            |                                                                           | 0,0                             |                 |
| 6   | Công trình: Nhà vệ sinh Trường trung học cơ sở Đông Xuyên, huyện Ninh Giang                                                                                                                                              | 881,5            | 702,1                                                      | 179,4                                                  | 179,4                               | 179,4                  | 179,4                | 0,0            |                                                                           | 0,0                             |                 |
| 7   | Công trình: Sân lắp sân thể thao thôn Bồng Lai xã Ninh Hải huyện Ninh Giang                                                                                                                                              | 2.457,3          | 2.192,1                                                    | 265,1                                                  | 265,1                               | 265,1                  | 256,8                | 8,3            | 8,3                                                                       |                                 | Đã có vốn đề TH |
| 8   | Công trình: Nâng cấp mái tầng 3 và cải tạo nhà lớp học (tòa nhà cũ) trường THCS Ninh Hải, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang                                                                                                  | 616,0            | 307,5                                                      | 308,5                                                  | 308,5                               | 308,5                  | 308,5                | 0,0            |                                                                           | 0,0                             |                 |



|    |                                                                                                                           |         |         |         |         |         |         |     |      |     |               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----|------|-----|---------------|
| 9  | Công trình: Cải tạo nâng cấp các phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Ninh Hải, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang | 1.105,6 | 544,9   | 560,7   | 560,7   | 560,7   | 560,7   | 0,0 |      | 0,0 |               |
| 10 | Công trình: Nhà vệ sinh Trường tiểu học Đông Xuyên, huyện Ninh Giang                                                      | 1.205,9 | 16,7    | 1.189,2 | 1.189,2 | 1.189,2 | 1.189,2 | 0,0 | 0,0  | 0,0 |               |
| 11 | Công trình: Cải tạo, nâng tầng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Đông Xuyên                                      | 3.758,3 | 814,2   | 2.944,1 | 2.944,1 | 2.944,1 | 2.944,1 | 0,0 | 0,0  | 0,0 |               |
| 12 | Công trình Trường THCS Ninh Hải; hạng mục: Phụ trợ sân, bồn cây, bồn hoa, rãnh thoát nước                                 | 1.221,2 |         | 1.000,0 | 1.000,0 | 1.000,0 | 1.000,0 | 0,0 | 15,1 |     | Chưa có nguồn |
| 13 | Công trình: Nhà hiệu bộ và phục vụ học tập trường mầm non xã Đông Xuyên                                                   | 6.828,7 | 5.127,6 | 1.701,1 | 1.701,1 | 1.701,1 | 1.701,1 | 0,0 | 0,0  | 0,0 |               |



| STT       | Tên công trình                                                                                                          | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn đã thanh toán, giải ngân đến hết ngày | Số còn nợ khối lượng đã hoàn thành đến ngày | Nguồn vốn NS tỉnh + NS huyện hỗ trợ | Kế hoạch vốn đã bố trí | Số vốn đã thanh toán | Số vốn còn lại | Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng đã hoàn thành còn nợ | Số vốn còn lại do chi không hết | Ghi chú         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| <b>II</b> | <b>Xã Hồng Phong</b>                                                                                                    | <b>52.897,7</b> | <b>36.903,4</b>                                  | <b>15.994,3</b>                             | <b>16.759,5</b>                     | <b>16.759,5</b>        | <b>12.459,1</b>      | <b>4.300,4</b> | <b>1.869,7</b>                                         | <b>2.430,7</b>                  |                 |
| 1         | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS HP                                                                               | 4.595,5         | 3.689,0                                          | 906,5                                       | 906,5                               | 906,5                  | 784,9                | 121,6          | 121,6                                                  | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 2         | Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Phong HM: San lấp, tường kè, cống thoát nước                                           | 5.014,1         | 2.946,5                                          | 2.067,6                                     | 2.567,6                             | 2.567,6                | 1.612,5              | 955,1          | 201,8                                                  | 753,3                           | Đã có vốn để TH |
| 3         | Công trình 2 tầng, 8 phòng Trường mầm non trung tâm xã HP                                                               | 9.940,1         | 7.295,6                                          | 2.644,5                                     | 2.644,5                             | 2.644,5                | 853,9                | 1.790,6        | 113,2                                                  | 1.677,4                         | Đã có vốn để TH |
| 4         | Nâng cấp cải tạo chợ bò xã HP                                                                                           | 732,7           | 499,7                                            | 233,0                                       | 233,0                               | 233,0                  | 85,5                 | 147,5          | 147,5                                                  | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 5         | Công trình Các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã                                                             | 3.078,1         | 1.000,0                                          | 2.078,1                                     | 2.078,1                             | 2.078,1                | 2.067,6              | 10,5           | 10,5                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 6         | Phát sinh: Hạng mục: Xây mới đường vào, khu bếp chế biến, bể nước sạch ) Công trình các hạng mục phụ trợ trường Mầm non | 186,4           | 0,0                                              | 186,4                                       | 186,4                               | 186,4                  | 0,0                  | 186,4          | 186,4                                                  | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 7         | Nhà làm việc 3 tầng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồng Phong hạng mục: Nhà làm việc 1 tầng móng 3 tầng                | 4.945,8         | 4.282,0                                          | 663,8                                       | 663,8                               | 663,8                  | 594,2                | 69,6           | 69,7                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 8         | Nâng tầng 2, tầng 3, mái chống nóng nhà làm việc : Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã HP                                   | 5.030,6         | 4.180,0                                          | 850,6                                       | 850,6                               | 850,6                  | 822,8                | 27,8           | 27,8                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 9         | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường MN                                                                                    | 6.666,8         | 5.500,0                                          | 1.166,8                                     | 1.166,7                             | 1.166,7                | 1.078,1              | 88,6           | 88,6                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 10        | Công trình Phụ trợ trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã. HM: Hệ thống sân vườn, cổng, tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ              | 1.897,2         | 1.400,0                                          | 497,2                                       | 497,2                               | 497,2                  | 497,2                | 0,0            | 0,0                                                    | 0,0                             |                 |
| 11        | Nhà văn hóa trung tâm xã                                                                                                | 5.134,9         | 4.803,3                                          | 331,6                                       | 331,6                               | 331,6                  | 278,1                | 53,5           | 53,5                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 12        | Nhà đa năng+ mái che hành lang khu vệ sinh trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang                                 | 399,4           | 0,0                                              | 399,4                                       | 399,4                               | 399,4                  | 347,1                | 52,3           | 52,3                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 13        | Nhà hiệu bộ trường Mầm non                                                                                              | 4.129,3         | 757,3                                            | 3.372,0                                     | 3.626,7                             | 3.626,7                | 2.897,9              | 728,8          | 728,9                                                  | 0,0                             | Đã có vốn để TH |
| 14        | Trường Mầm non Hồng Phong; Hạng mục: Phòng giáo dục thể chất và Khu vui chơi phát triển vận động                        | 1.146,8         | 550,0                                            | 596,8                                       | 607,4                               | 607,4                  | 539,3                | 68,1           | 68,1                                                   | 0,0                             | Đã có vốn để TH |



| STT        | Tên công trình                                                                                                                                                                          | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn đã thanh toán, giải ngân đến hết ngày 31/5/2025 | Số còn nợ khối lượng đã hoàn thành đến ngày 31/05/2025 | Nguồn vốn NS tỉnh + NS huyện hỗ trợ | Kế hoạch vốn đã bố trí | Số vốn đã thanh toán | Số vốn còn lại | Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng đã hoàn thành còn nợ đến ngày 30/6/2025 | Số vốn còn lại do chi không hết | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| <b>III</b> | <b>Xã Kiến Phúc</b>                                                                                                                                                                     | <b>29.972</b>   | <b>20.206</b>                                              | <b>9.766</b>                                           | <b>9.766</b>                        | <b>9.766</b>           | <b>9.766</b>         | <b>0</b>       | <b>-</b>                                                                  | <b>0,053</b>                    |         |
| 1          | Công trình Trụ sở làm việc công an xã Kiến Quốc cũ - nay là xã Kiến Phúc, huyện Ninh Giang                                                                                              | 6.926           | 3.200                                                      | 3.726                                                  | 3.726                               | 3.726                  | 3.726                | -              |                                                                           |                                 |         |
| 2          | Bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối từ đền thờ Khúc Thừa Dụ, Kiến Quốc - Đông Xuyên, Giai đoạn 1 (đoạn từ đền thờ Khúc Thừa Dụ đến đường tỉnh 396 | 514             | 395                                                        | 119                                                    | 119                                 | 119                    | 119                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 3          | Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường thôn Đà Phố xã Hồng Phúc. Đoạn tuyến Từ nhà ông Phục ra dốc đê thôn Đà Phố                                                                          | 3.002           | 2.555                                                      | 447                                                    | 447                                 | 447                    | 447                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 4          | Công trình: Ao bơi hợp vệ sinh xã Hồng Phúc                                                                                                                                             | 2.190           | 1.775                                                      | 414                                                    | 414                                 | 414                    | 414                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 5          | Công trình: Nhà làm việc Đảng ủy -Hội đồng nhân dân -Ủy ban nhân dân xã Hồng Phúc                                                                                                       | 8.910           | 7.572                                                      | 1.338                                                  | 1.338                               | 1.338                  | 1.338                | -              |                                                                           |                                 |         |
| 6          | Công trình: Phụ trợ trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang. Hạng mục: xây dựng hệ thống sân vườn, rãnh thoát nước, cổng, tường rào, nhà để xe                      | 2.609           | 2.013                                                      | 596                                                    | 596                                 | 596                    | 596                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 7          | Công trình: Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang. Hạng mục: San lấp mặt bằng và tường rào                                                                        | 994             | 609                                                        | 384                                                    | 384                                 | 384                    | 384                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 8          | Công trình: Sân vận động thôn Đà Phố, xã Hồng Phúc. Hạng mục: san lấp mặt bằng và rãnh thoát nước                                                                                       | 607             | 506                                                        | 101                                                    | 101                                 | 101                    | 101                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 9          | Công trình: Sửa chữa Trạm y tế xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang                                                                                                                           | 606,2           | 356                                                        | 250                                                    | 250                                 | 250                    | 250                  | -              |                                                                           |                                 |         |
| 10         | Công trình: Cải tạo đường trục xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (Đoạn từ cầu xã đến trạm bơm thôn Ngọc Chi                                                                                | 950             | 723                                                        | 226                                                    | 226                                 | 226                    | 226                  | 0              |                                                                           | 0,0005                          |         |
| 11         | Công trình: Công trình cải tạo đường trục xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang. Đoạn từ cầu xã đến trạm bơm thôn Ngọc Chi (Bổ sung một số đoạn vượt nổi và lảng mặt nhựa đợt 2                | 540             |                                                            | 540                                                    | 540                                 | 540                    | 540                  | 0              |                                                                           | 0,0320                          |         |
| 12         | Công trình: Mái che sân trường Mầm non xã Kiến Quốc                                                                                                                                     | 972             | 500                                                        | 472                                                    | 473                                 | 473                    | 472                  | 0              |                                                                           | 0,0210                          |         |
| 13         | Công trình: Cải tạo sân trường Tiểu học Kiến Quốc, xã Kiến Quốc (cũ)                                                                                                                    | 1.151           |                                                            | 1.151                                                  | 1.151                               | 1.151                  | 1.151                | -              |                                                                           |                                 |         |